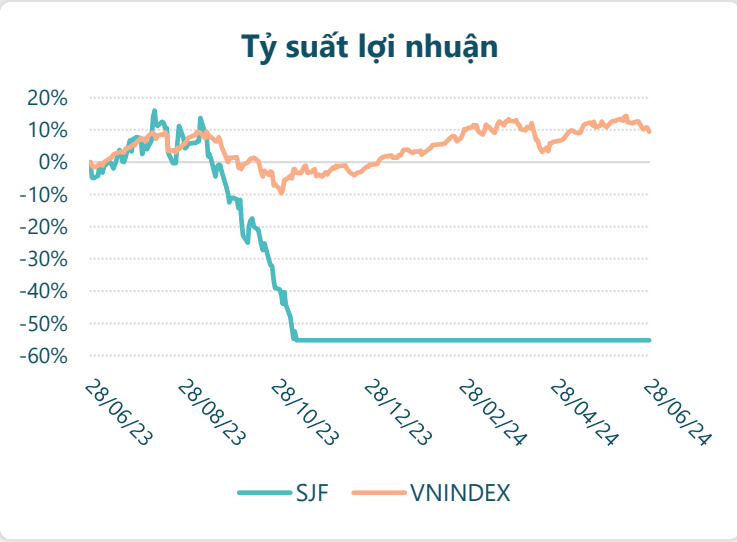


Ngày	1,790 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	1,790 - 4,640
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	142
Số lượng CPLH (CP)	79,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	-
EPS	-508
P/E	-3.5



Doanh thu thuần
Q2/24

18.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.10 | 12.9%

YoY: ▼ 2.90 | -13.7%

Nợ/VCSH
Q2/24

57.2%

YoY: +/- ▼ 1.3%

LN gộp
Q2/24

-3.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.37 | -13.9%

YoY: ▲ 0.68 | 18.5%

ROE (TTM)
Q2/24

-6.2%

YoY: +/- ▼ 0.2%

LN trước thuế
Q2/24

-3.53

tỷ VNĐ

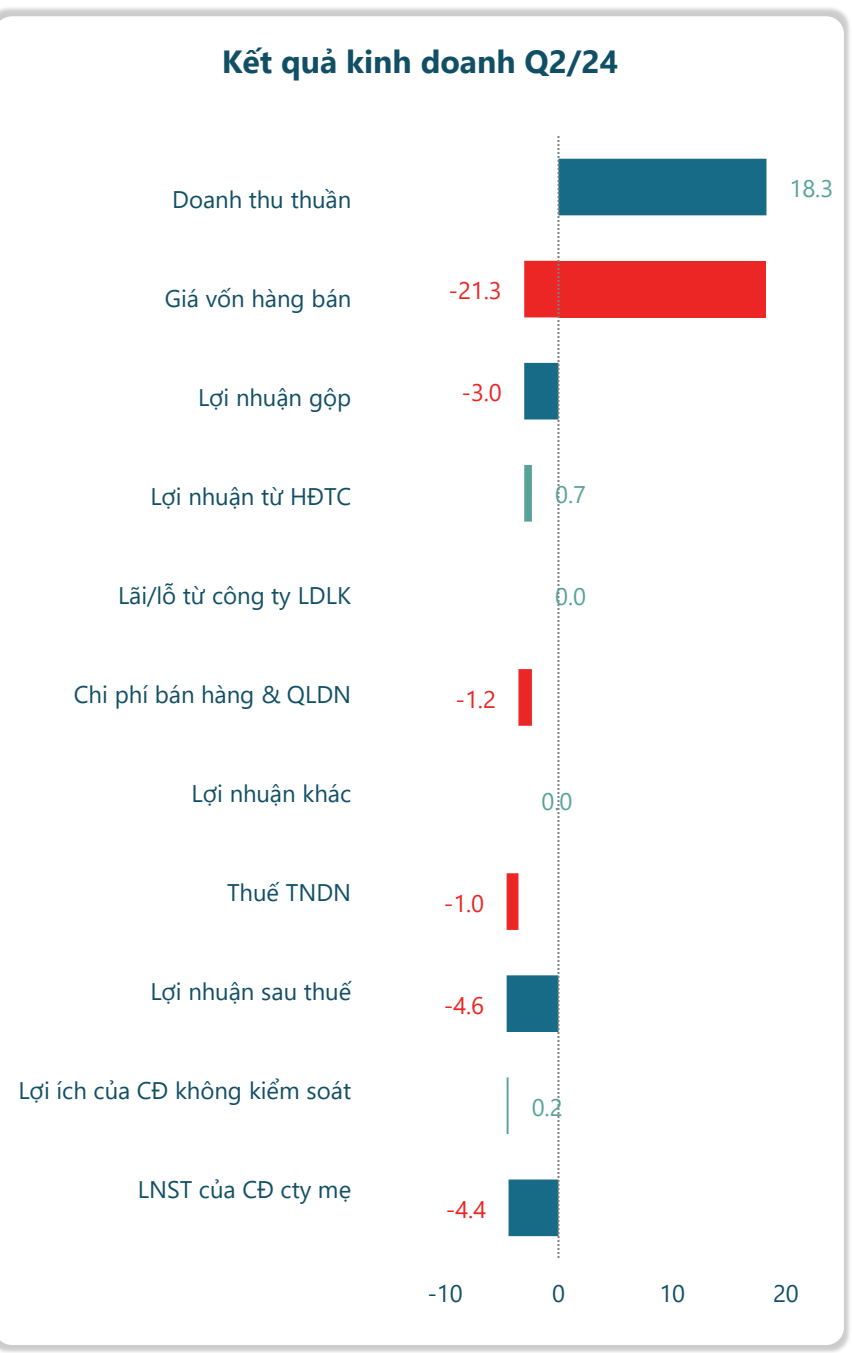
QoQ: ▼ 0.95 | -36.8%

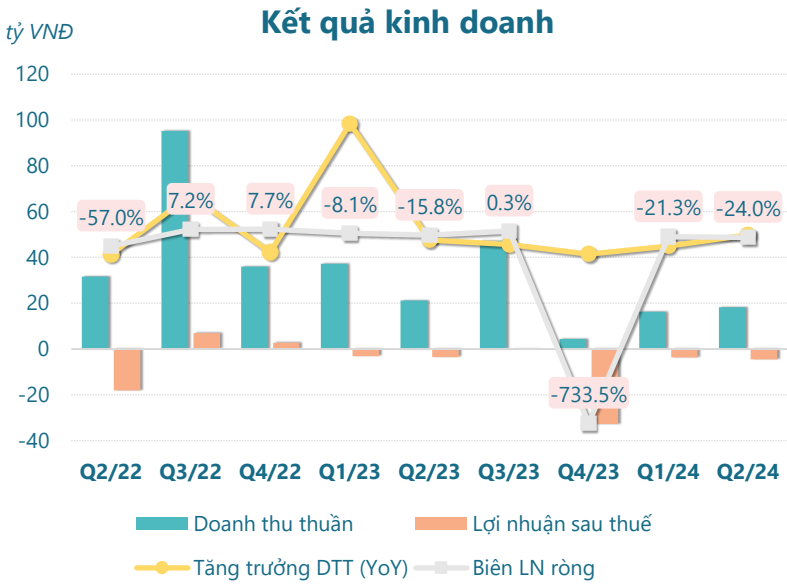
YoY: ▲ 0.02 | 0.6%

ROA (TTM)
Q2/24

-4.4%

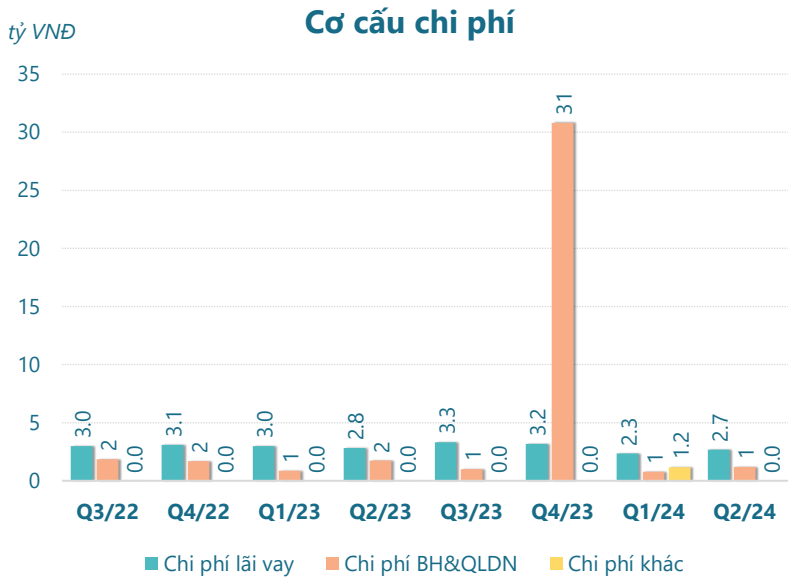
YoY: +/- ▼ 0.1%





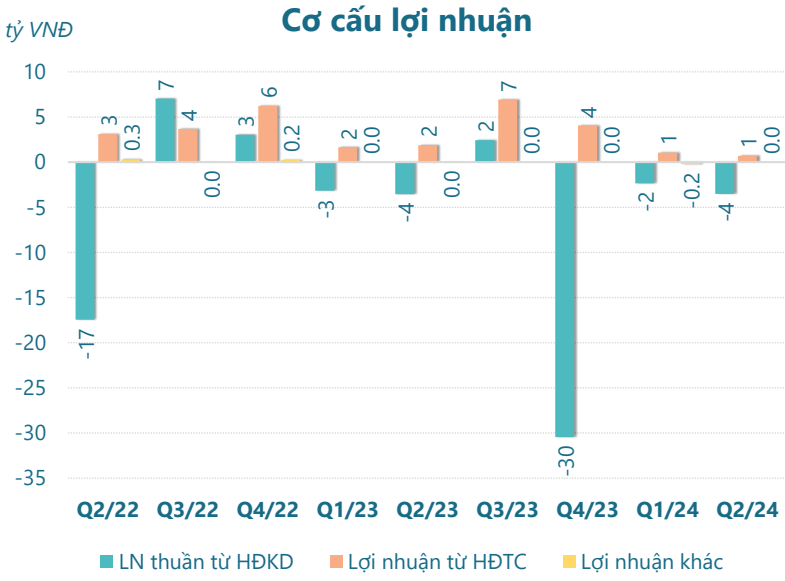
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 1.17 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.68 tỷ đồng**, giảm đi 35.8% so với kỳ trước và thấp hơn 63.8% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** tăng thêm 0.22 tỷ đồng so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SJF** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **18.29 tỷ đồng** giảm đi **13.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 4.57 tỷ đồng**, giảm đi **1.02 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **35.00 tỷ đồng** thấp hơn 39.7% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **35.00 tỷ đồng** thấp hơn 39.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -8.00 tỷ đồng** giảm đi 1.00



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **2.69 tỷ đồng** tăng thêm 14.5% so với kỳ trước và thấp hơn 4.61% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.20 tỷ đồng** tăng thêm 53.8% so với kỳ trước và thấp hơn 31.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	18.3	16.2	12.9%	21.2	-13.7%	34.5	58.5	-41.0%
Giá vốn hàng bán	21.3	18.9	12.7%	24.9	-14.5%	40.2	66.1	-39.2%
Lợi nhuận gộp	-3.01	-2.64	-13.9%	-3.69	18.5%	-5.65	-7.64	26.0%
Doanh thu HĐTC	3.38	3.41	-1.0%	4.69	-28.0%	6.78	11.1	-39.0%
Chi phí TC	2.69	2.35	14.6%	2.81	-4.2%	5.04	7.60	-33.7%
Chi phí lãi vay	2.69	2.35	14.6%	2.82	-4.5%	5.04	5.80	-13.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.04	-100%	0.14	-100%	0.04	0.31	-88.7%
Chi phí QLDN	1.20	0.74	62.8%	1.59	-24.2%	1.95	2.29	-14.9%
LN thuần từ HĐKD	-3.53	-2.36	-49.5%	-3.54	0.3%	-5.89	-6.72	12.3%
Lợi nhuận khác	0	-0.22	100%	0.00		-0.22	0.00	-7270%
LN trước thuế	-3.53	-2.58	-36.8%	-3.55	0.6%	-6.11	-6.72	9.1%
Lợi nhuận sau thuế	-4.57	-3.63	-25.9%	-3.55	-28.7%	-8.20	-6.72	-22.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-4.39	-3.45	-27.1%	-3.35	-30.9%	-7.84	-6.38	-22.9%

